

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2018

NGÀNH ĐÀO TẠO : Quản lý Tài nguyên - Môi trường (4 năm)

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUNG					
1	212 2 1512	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		
2	213 3 1513	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	212 2 1512	
3	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213 3 1513	
4	212 3 1225	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213 2 1922	
5	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
6	412 3 1858	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		
7	412 4 1859	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412 3 1858*	
8	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	212 2 1512	
9	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
10	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)		
11	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)		
12	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)		
13	001 0 1269	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)		
14	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)				
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	21	20	1		
		KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH					
		Cơ bản chung					
15	311 3 1250	Giải tích thực và Đại số tuyến tính	3	3	0		
16	311 2 1994	Xác suất thống kê	2	2	0		
17	313 3 1977	Vật lý đại cương	3	3	0		
18	314 3 1299	Hóa đại cương	3	3	0		
19	314 2 1315	Hóa phân tích	2	2	0		
20	314 1 1797	Thực hành hóa đại cương	1	0	1		
21	314 1 1801	Thực hành hóa phân tích	1	0	1		
22	315 3 1678	Sinh học đại cương	3	3	0		
23	315 2 1688	Sinh thái học	2	2	0		
24	315 2 1986	Vi sinh Đại cương	2	2	0	315 3 1678	
25	319 3 1916	Trắc địa Đại cương	3	3	0		
26	319 2 1825	Thực hành trắc địa Đại cương	2	0	2		
27	319 2 1136	Đại cương về trái đất	2	2	0		
		Cơ sở môi trường					
28	315 3 1336	Khoa học Môi trường	3	3	0		
29	315 3 1145	Đánh giá môi trường	3	3	0	412 3 1858	
30	315 3 1367	Kinh tế môi trường	3	3	0	412 3 1858	
31	315 3 1647	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường	3	3	0	412 3 1858	
32	315 3 1100	Công nghệ môi trường	3	3	0	6;19	
33	315 2 1536	Phân tích môi trường	2	2	0		
34	315 2 1809	Thực hành phân tích môi trường	2	0	2		
35	319 3 1932	Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên & môi trường	3	2	1	5;6	
36	315 2 1271	Giáo dục và truyền thông bảo vệ môi trường	2	2	0	412 3 1858	
37	315 3 1652	Quản lý tổng hợp vùng bờ	3	3	0	315 3 1647	
38	315 2 1654	Quan trắc môi trường	2	2	0	412 3 1858	
39	315 2 1632	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	2	2	0	315 3 1647	
40	315 2 1217	Độc học môi trường	2	2	0		
41	315 2 1662	Quy hoạch môi trường	2	2	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	64	57	7		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ					
42	315 3 1129	Đa dạng sinh học	3	3	0		
43	315 3 1335	Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	3	3	0		
44	315 2 1596	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học môi trường	2	2	0	412 3 1858	
45	315 2 1655	Quan trắc sinh học	2	2	0		
46	315 2 1813	Thực hành quan trắc sinh học và môi trường	2	2	0		
47	315 2 1870	Tiếng Anh chuyên ngành môi trường	2	2	0	412 4 1859	
48	315 2 1934	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường	2	2	0	5;6	

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			Học phần h.trước/t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH		
49	315 2 1642	Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước	2	2	0	315 3 1647	
50	315 2 2154	Sinh vật phù du trong quan trắc môi trường	2	2	0	315 3 1647	
51	315 2 1646	Quản lý nguồn lợi thủy sản	2	2	0	315 3 1678	
52	315 2 2155	Hệ thống phân loại động vật	2	2	0	315 3 1647	
53	315 2 2156	Hệ thống phân loại thực vật	2	2	0	315 3 1647	
54	315 2 2157	Thực hành vi sinh môi trường	2	0	2	315 3 1678	
55	315 2 1837	Thực tập kỹ năng	2	0	2		
56	315 2 1841	Thực tập nhận thức	2	0	2	23:42	
57	303 3 1847	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI			35	26	9		
HỌC PHẦN TỰ CHỌN							
58	303 6 1338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6		
59	315 2 2158	Kiểm soát ô nhiễm môi trường nước	2	2	0	412 3 1858	
60	315 2 1348	Kiểm soát ô nhiễm bằng thực vật	2	2	0	412 3 1858	
61	315 2 1351	Kiểm soát ô nhiễm môi trường đất	2	2	0	412 3 1858	
62	315 2 2159	Tài nguyên và môi trường biển	2	2	0	315 2 1986	
63	315 2 2160	Hệ thống ISO 14000	2	2	0	315 3 1647	
64	315 2 1651	Quản lý tài nguyên nước	2	2	0	315 2 1688	
65	315 2 1644	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	2	2	0	315 3 1647	
66	315 2 2161	Mô hình hóa môi trường	2	2	0		
67	315 2 1635	Quản lý động vật hoang dã	2	2	0	315 3 1129	
68	315 2 1218	Du lịch bền vững	2	2	0	315 3 1647	
69	315 2 1650	Quản lý tài nguyên môi trường dựa vào cộng đồng	2	2	0	315 3 1647	
		Tự chọn bắt buộc đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp					
70	315 4 2162	Đồ án tốt nghiệp	4	0	4	315 3 1647	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI			32	22	10		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			152				
Tổng số tín chỉ bắt buộc			120				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			15				

Ghi chú: - Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TRƯỞNG KHOA

Vũ Châu Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2018

NGÀNH ĐÀO TẠO : Quản lý Tài nguyên - Môi trường (4 năm)

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
1	311 3 1250	Giải tích thực và Đại số tuyến tính	3	3	0		
	313 3 1977	Vật lý đại cương	3	3	0		
	314 3 1299	Hóa đại cương	3	3	0		
	315 3 1678	Sinh học đại cương	3	3	0		
	319 2 1136	Đại cương về trái đất	2	2	0		
	315 3 1336	Khoa học Môi trường	3	3	0		
	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			17	17	0		
2	212 2 1512	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		
	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
	412 3 1858	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		
	311 2 1994	Xác suất thống kê	2	2	0		
	314 2 1315	Hóa phân tích	2	2	0		
	314 1 1797	Thực hành hóa đại cương	1	0	1		
	314 1 1801	Thực hành hóa phân tích	1	0	1		
	315 2 1688	Sinh thái học	2	2	0		
	319 3 1916	Trắc địa Đại cương	3	3	0		
	319 2 1825	Thực hành trắc địa Đại cương	2	0	2		
	315 2 1596	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học môi trường	2	2	0	412 3 1858	
		Học phần tự chọn	(1)	0	(1)		
	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)		
	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)				
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			22	17	5		
3	213 3 1513	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	212 2 1512	
	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	212 2 1512	
	412 4 1859	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412 3 1858*	
	315 2 1271	Giáo dục và truyền thông bảo vệ môi trường	2	2	0	412 3 1858	
	319 3 1932	Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên & môi trường	3	2	1	5;6	
	315 2 1986	Vi sinh Đại cương	2	2	0	315 3 1678	
	315 2 2157	Thực hành vi sinh môi trường	2	0	2	315 3 1678	
	315 2 2156	Hệ thống phân loại thực vật	2	2	0	315 3 1647	
	315 2 2155	Hệ thống phân loại động vật	2	2	0	315 3 1647	
		Học phần tự chọn					
	315 0 1218	Du lịch bền vững	2	2	0	315 3 1647	
	315 2 2160	Hệ thống ISO 14000	2	2	0	315 3 1647	
	001 (1) 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			26	23	3		
4	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213 3 1513	
	315 3 1647	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường	3	3	0	412 3 1858	
	315 2 1870	Tiếng Anh chuyên ngành môi trường	2	2	0	412 4 1859	
	315 2 1934	Ứng dụng tin học trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường	2	2	0	5;6	
	315 3 1129	Đa dạng sinh học	3	3	0		
	315 2 1536	Phân tích môi trường	2	2	0		
	315 2 1809	Thực hành phân tích môi trường	2	0	2		
	315 2 1841	Thực tập nhận thức	2	0	2	23;42	
		Học phần tự chọn					
	315 2 1644	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	2	2	0	315 3 1647	

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
	315 2 1635	Quản lý động vật hoang dã	2	2	0	315 3 1129	
	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		22	18	4		
5	212 3 1225	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213 2 1922	
	315 3 1367	Kinh tế môi trường	3	3	0	412 3 1858	
	315 3 1652	Quản lý tổng hợp vùng bờ	3	3	0	315 3 1647	
	315 3 1100	Công nghệ môi trường	3	3	0	6;19	
	315 3 1145	Đánh giá môi trường	3	3	0	412 3 1858	
	315 2 2154	Sinh vật phù du trong quan trắc môi trường	2	2	0	315 3 1647	
	Học phần tự chọn						
	315 2 2158	Kiểm soát ô nhiễm môi trường nước	2	2	0	412 3 1858	
	315 2 1651	Quản lý tài nguyên nước	2	2	0	315 2 1688	
	001 0 1269	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		21	21	0		
	315 2 1655	Quan trắc sinh học	2	2	0		
	315 2 1813	Thực hành quan trắc sinh học và môi trường	2	2	0		
	315 2 1654	Quan trắc môi trường	2	2	0	412 3 1858	
	315 2 1217	Độc học môi trường	2	2	0		
	315 2 1837	Thực tập kỹ năng	2	0	2		
	315 2 1646	Quản lý nguồn lợi thủy sản	2	2	0	315 3 1678	
	315 2 1662	Quy hoạch môi trường	2	2	0		
	Học phần tự chọn						
	315 2 2159	Tài nguyên và môi trường biển	2	2	0	315 2 1986	
	315 2 1650	Quản lý tài nguyên môi trường dựa vào cộng đồng	2	2	0	315 3 1647	
	315 2 2161	Mô hình hóa môi trường	2	2	0		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		20	18	2		
7	315 2 1632	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	2	2	0	315 3 1647	
	315 2 1642	Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước	2	2	0	315 3 1647	
	315 3 1335	Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu	3	3	0		
	303 3 1847	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
	Học phần tự chọn						
	315 2 1351	Kiểm soát ô nhiễm môi trường đất	2	2	0	412 3 1858	
	315 2 1348	Kiểm soát ô nhiễm bằng thực vật	2	2	0	412 3 1858	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		14	11	3		
8	Học phần tự chọn						
	303 6 1338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6		
	315 4 2162	Đồ án tốt nghiệp	4	0	4	315 3 1647	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		10	0	10		

Ghi chú: - Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TRƯỞNG KHOA

Vũ Châu Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG